

MARKET LENS

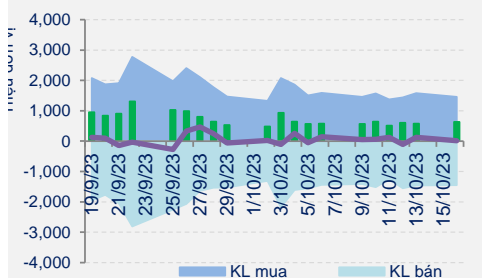
Phiên giao dịch ngày: 16/10/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

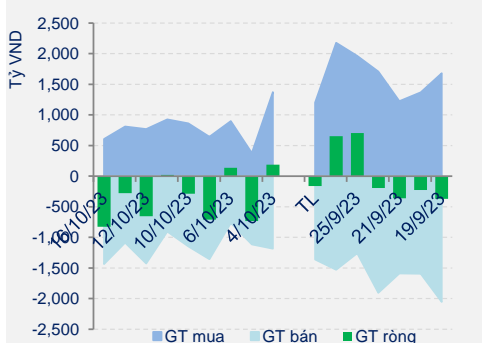
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,141.42	236.46
% Thay đổi	↓ -1.15%	↓ -1.08%
KLGD (CP)	632,560,622	97,741,593
GTGD (tỷ đồng)	15,204.00	2,260.29
Tổng cung (CP)	1,447,697,255	141,653,100
Tổng cầu (CP)	1,460,695,381	120,812,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	43,317,970	2,534,502
KL mua (CP)	13,884,571	432,809
GT mua (tỷ đồng)	607.64	10.30
GT bán (tỷ đồng)	1,435.82	49.86
GT ròng (tỷ đồng)	(828.19)	(39.55)

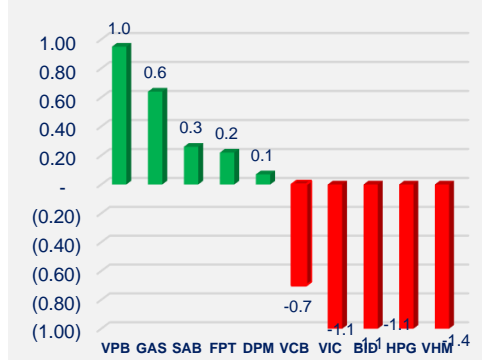
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau tuần phục hồi tăng điểm, VN-INDEX đầu phiên tiếp tục tăng lên quanh vùng giá 1.156 điểm tương ứng giá trung bình MA20 phiên và chịu áp lực điều chỉnh, áp lực bán sau đó gia tăng mạnh hơn khi VN-INDEX không giữ được vùng giá thấp nhất tháng 08/2023 quanh vùng 1.149 điểm với thanh khoản gia tăng mạnh đồng thời với áp lực bán mạnh khá đột biến của khối ngoại trên nhiều mã, nhóm mã, dẫn đến VN-INDEX kết phiên giảm 13,31 điểm (-1,15%) về mức 1.141,42 điểm với thanh khoản gia tăng kém tích cực. HNX-INDEX giảm 2,59 điểm (-1,08%) về mức 236,46 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực với áp lực điều chỉnh áp đảo khi có 501 mã giảm giá (09 mã giảm sàn), 166 mã tăng giá (14 mã tăng trần) và 104 mã giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn đạt 17.458,25 tỷ đồng, tăng nhẹ so với phiên trước, vẫn dưới mức trung bình, thể hiện dòng tiền vẫn đang cải thiện nhẹ, nhưng phân hóa mạnh khi đang trong giai đoạn đón chờ thông tin kết quả kinh doanh quý III/2023. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh với giá trị 828,19 tỷ đồng trên HOSE trong ngày công bố thành phần danh mục bộ cổ phiếu VNDiamond; bán ròng trên HNX với giá trị 39,55 tỷ đồng.

Theo số liệu mới nhất được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) công bố, tỷ lệ nợ xấu đã lên 3,56% đến cuối tháng 7/2023. Với tỷ lệ này, số dư nợ xấu của toàn hệ thống đến cuối tháng 7 là hơn 440.000 tỷ đồng. Song tỷ lệ nợ xấu trên đã bao gồm cả 5 nhà băng đang thuộc diện kiểm soát đặc Nếu loại trừ 5 ngân hàng này ra, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của các nhà băng hiện ở mức 1,92%. Nếu tính nợ xấu nội bảng cũng thêm các khoản nợ xấu bán cho VAMC chưa xử lý và nợ tiềm ẩn của hệ thống tổ chức tín dụng (gồm các khoản được giữ nguyên nhóm, trái phiếu doanh nghiệp tiềm ẩn thành nợ xấu, các khoản phải thu khó đòi, lãi dự thu phải thoái...), tỷ lệ nợ xấu toàn ngành là 6,16% (tương đương 768.000 tỷ đồng).

Các cổ phiếu ngân hàng chịu áp lực điều chỉnh trước những thông tin trên, hầu hết đều giảm điểm với thanh khoản dưới mức trung bình như STB (-4,13%), TPB (-2,61%), VIB (-2,58%), BID (-2,00%)... ngoại trừ VPB (+2,51%) tăng giá nhờ thông tin chia cổ tức bằng tiền mặt.

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán cũng chịu áp lực giảm điểm mạnh, thanh khoản gia tăng hơn dưới áp lực bán mạnh của khối ngoại với VND (-4,77%), SSI (-4,32%), FTS (-4,23%), HCM (-3,98%)... ngoài VDS (+3,53%) tăng giá tích cực trước thông tin kết quả kinh doanh quý III tốt. Nhóm cổ phiếu bất động sản cũng chịu áp lực điều chỉnh khá mạnh, thanh khoản dưới mức trung bình sau khi phục hồi ở tuần trước như QCG (+5,17%), DXG (+4,90%), LGL (-4,52%), PDR (-4,03%), CII (-3,61%)... ngoài NBB (+2,31%), TCH (+1,64%)...

Trong khi đó nhóm cổ phiếu vận tải dầu khí, dầu khí vẫn có diễn biến khá tích cực, nổi bật nhất so với thị trường chung, thanh khoản gia tăng mạnh như VIP (+6,84%), PVP (+3,27%), PDV (+2,73%), PVC (+2,72%) GSP (+2,57%), PVS (+2,01%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2310 giảm mạnh 14,6 điểm (-1,26%), mức chênh lệch gia tăng âm -6,71 điểm so với VN30, khối lượng giao dịch giảm, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI giảm. Diễn biến cho thấy các vị thế đầu cơ đang dịch chuyển dần sang kỳ hạn VN30F2311 khi kỳ hạn VN30F2310 sắp đáo hạn. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2311, VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -8,21 điểm đến -15,11 điểm, mức chênh lệch giữa các kỳ hạn gia tăng, cho thấy các trader kém lạc quan với VN30 và phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường có phiên rung lắc và chưa dứt thoát khỏi ngưỡng kháng cự 1.150 điểm. Chốt phiên giao dịch VnIndex giảm -13,31 điểm (-1,15%) và đóng cửa ở 1.141,42 điểm. Như vậy VnIndex vẫn đang gặp khó khăn trước ngưỡng cản ngắn hạn nhưng chúng tôi cho rằng thị trường sẽ sớm trở lại xu hướng hồi phục và vượt lên trên ngưỡng cản này để tìm đến khu vực cân bằng mới.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường đang trong nhịp hồi phục kỹ thuật và mặc dù phiên hôm nay Vn-Index rung lắc quanh ngưỡng cản nhưng chúng tôi cho rằng xu hướng hồi phục sẽ còn tiếp diễn. Tuy nhiên rủi ro chỉ số quay lại kiểm tra các vùng giá thấp hơn cũng vẫn có thể xảy ra.

Về góc nhìn trung hạn, xu hướng uptrend gần như đã kết thúc và thị trường sẽ vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ dao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Mặc dù thị trường không còn xu hướng uptrend nhưng vận động thị trường trong trung hạn vẫn mang tính chất tích cực bởi nền gốc và quá trình hình thành xu hướng uptrend trước đây là tin cậy, chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành vùng tích lũy trong khu vực 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Tình hình vĩ mô trong nước mặc dù ổn định với thống kê tăng trưởng GDP các quý đang tăng dần nhưng tốc độ tăng trưởng không đạt kỳ vọng, tăng trưởng tín dụng yếu cho thấy nền kinh tế đang có khả năng hấp thụ vốn thấp, những khó khăn đối với thị trường BDS và đặc biệt là thị trường trái phiếu vẫn chưa có bước chuyển biến căn cơ. Tình hình kinh tế toàn cầu hiện cũng đang khó lường khi kinh tế toàn cầu vẫn bất ổn và tăng trưởng thấp đặc biệt là khu vực EU có nhiều nền kinh tế bước vào suy thoái như Đức, Hà Lan... và với việc giá năng lượng đang có xu hướng tăng mạnh trở lại khi mùa đông đến gần cũng tạo thêm nguy cơ lạm phát tiếp tục tăng trở lại. Với tình trạng vĩ mô tốt xấu đan xen, việc thị trường hình thành khu vực tích lũy để chờ cơ hội hình thành uptrend mới là động thái vận động phù hợp.

Uptrend trung hạn đã xác nhận kết thúc, thị trường cần vận động chặt chẽ lại để hình thành nền mới, trong giai đoạn này thị trường sẽ hình thành các nhịp tăng, giảm đan xen để hướng tới đi ngang chặt chẽ dần. Nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì danh mục có tỷ trọng thấp trong giai đoạn hiện tại và tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường. Với nhà đầu tư trung, dài hạn thì thị trường vẫn đã được xác nhận là qua đáy downtrend tại 950 điểm mặc dù hiện tại xu hướng uptrend kết thúc nhưng khả năng cao thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại do đó nhà đầu tư dài hạn không cần quá lo ngại, nếu cơ cấu tốt từ đầu sóng theo khuyến nghị của chúng tôi thì hiện tại danh mục trung - dài hạn vẫn vận hành hiệu quả và an toàn, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 16/10/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PVP	15.80	13-14	17.5-18.2	12	5.1	8.3%	228.5%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	51.10	46-48	57-59	43	7.8	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	22.00	18.5-20	24-25	17.5	19.9	25.4%	37.2%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	33.00	28-29.5	34-35	27	7.5	491.3%	368.1%	Theo dõi chờ giải ngân
DPM	40.30	38-38.7	44-46	35	6.3	-26.1%	-92.4%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tu (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	35.8	25.9	35-37	33	38.2%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	75.2	72.95	87-89	78	3.1%	Nắm giữ
28/9/23	BSR	21.7	21.7	26-28	20	-0.1%	Nắm giữ
6/10/23	VHM	45.6	45	61-63	43	1.2%	Nắm giữ
13/10/23	PVP	15.8	14.85	18.2-19	14.5	6.4%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Giá trị hút ròng tăng gần 39%, lãi suất VND liên ngân hàng về mức 0,37%

Trong tuần giao dịch từ 9 đến 13/10/2023, Ngân hàng Nhà nước hút ròng 65.000 tỷ đồng qua kênh tín phiếu, tăng gần 39% so với tuần trước đó... Trong tuần trước, Ngân hàng Nhà nước đã tăng cường độ hút tiền trong 2 phiên 12 và 13/10 thông qua chào bán tín phiếu 28 ngày theo cơ chế đấu thầu lãi suất. Kết quả, mỗi phiên đều có 10-11 thành viên tham gia trúng thầu, tổng khối lượng là gần 40.000 tỷ đồng và lãi suất trúng thầu tăng mạnh từ 0,68% lên 0,9%. Lũy kế từ 21/9 tới 13/10, Ngân hàng Nhà nước có 17 phiên liên tiếp phát hành tín phiếu với khối lượng đạt 205.700 tỷ đồng, qua đó hút ra khỏi hệ thống số tiền tương ứng.

Dự kiến giảm 50% thuế môi trường với xăng dầu đến hết 2024

Thuế bảo vệ môi trường với xăng dự kiến vẫn được giảm 50% còn 2.000 đồng mỗi lít đến hết năm sau. Chính sách giảm thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu được áp dụng từ tháng 4 năm 2022. Hiện, mức thuế này vẫn đang được giảm 50%, tương ứng 2.000 đồng tính trên một lít xăng (trừ etanol) và 1.000 đồng với mỗi lít dầu diesel. Tuy nhiên, chính sách này hết hiệu lực vào cuối năm nay, kéo theo thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu sẽ quay lại mức trần từ đầu năm sau. Để tránh ảnh hưởng đến tâm lý, đời sống sinh hoạt, sản xuất của người dân và doanh nghiệp, Bộ Tài chính đang lấy ý kiến các bộ ngành, địa phương... để kéo dài chính sách này đến hết 2024.

Ngành nông, lâm, thủy sản quyết giữ mục tiêu xuất khẩu 54 tỷ USD

Theo báo cáo mới nhất của Trung tâm chuyển đổi số và thống kê nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), 9 tháng năm 2023, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 38,48 tỷ USD, giảm 5,1% so với cùng kỳ năm 2022. Như vậy, để đạt mục tiêu cả năm là 54 tỷ USD, những tháng còn lại cần phải mang về thêm 15,5 tỷ USD. Tuy nhiên, trong bối cảnh còn nhiều khó khăn như hiện nay, đây là nhiệm vụ không dễ dàng, đòi hỏi sự quyết tâm và năng động của toàn ngành...

Chính phủ dự báo GDP năm 2023 chỉ đạt khoảng 5%, năm 2024 khoảng 6-6,5%

Sáng nay, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về các nội dung liên quan đến kinh tế - xã hội. Chính phủ dự báo cả năm 2023, tăng trưởng GDP đạt khoảng trên 5%, dù thấp hơn chỉ tiêu đề ra (khoảng 6,5%) nhưng vẫn là mức khá cao so với nhiều nước trên thế giới và khu vực. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân cả năm ước khoảng 3,5%, thấp hơn nhiều so với mục tiêu khoảng 4,5%. Thu ngân sách Nhà nước phấn đấu đạt hoặc vượt dự toán được giao trong khi miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất (đến hết tháng 9 đã miễn, giảm, gia hạn khoảng 152.500 tỷ đồng). Về thương mại, cả năm 2023 Việt Nam ước xuất siêu khoảng 15 tỷ USD.



TIN DOANH NGHIỆP

VPBank thông báo chốt ngày đăng ký cuối cùng chia cổ tức 10% bằng tiền

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) hôm nay đã công bố Nghị quyết của Hội đồng Quản trị phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện chi trả cổ tức năm 2023. Theo đó, VPBank sẽ chia cổ tức với tỷ lệ 10% bằng tiền. Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện chi trả cổ tức là ngày 10/11/2023 và thời gian dự kiến thực hiện chia cổ tức là ngày 20/11/2023. Trước đó, Ban Lãnh đạo ngân hàng cũng nhiều lần khẳng định sẽ dành khoảng 8.000 tỷ đồng từ nguồn lợi nhuận năm 2022 để chia cổ tức trong năm nay.

Hòa Bình (HBC): Tắt toán công nợ tại 7 ngân hàng, sắp nhận thêm hơn 261 tỷ đồng từ thắng kiện

Công ty cổ phần Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HBC) vừa cho biết tại ngày 16/10/2023, công ty đã trả khoản nợ 1.327 tỷ đồng tại 7 ngân hàng. Ra sức giảm số nợ, HBC liên tục nhận thông tin tích cực khi thắng kiện và thu hồi công nợ từ tập đoàn FLC. Tại ngày 31/12/2022, HBC có dư nợ tại 14 ngân hàng nhưng theo thông tin mới nhất, tại ngày 16/10/2023, HBC đã tắt toán công nợ tại 7 ngân hàng với số tiền đã trả 1.327 tỷ đồng. Hiện còn dư nợ tại 7 ngân hàng với tổng số tiền 4.756 tỷ đồng.

PV Power (POW) ghi nhận doanh thu tháng 9 đạt 2.062 tỷ đồng, vượt 16% kế hoạch tháng

Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power, mã chứng khoán POW - sàn HOSE) mới có thông báo về tình hình sản xuất kinh doanh tháng 9/2023 và kế hoạch tháng 10/2023. Trong tháng 9, POW ghi nhận sản lượng điện toàn hệ thống đạt 928,6 triệu kWh, đạt 91% kế hoạch tháng. Doanh thu ước tính thực hiện đạt 2.062 tỷ đồng, vượt 16% kế hoạch tháng. Lũy kế 9 tháng 2023, POW thông báo sản lượng điện đạt 11.149 triệu kWh và doanh thu ước tính 21.819 tỷ đồng. Bước sang tháng 10, PV Power đặt kế hoạch tổng sản lượng điện đạt 1.017 triệu kWh và tổng doanh thu đạt 2.230 tỷ đồng.

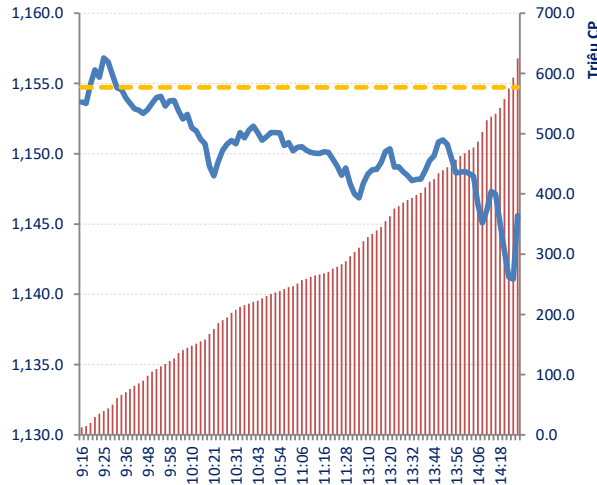
9 tháng, Chứng khoán Rồng Việt (VDS) lãi 320 tỷ đồng, vượt 18% kế hoạch năm

Theo báo cáo tài chính riêng quý III/2023, Rồng Việt ghi nhận tổng doanh thu và chi phí lần lượt đạt 255,4 tỷ và 142,0 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 113,4 tỷ đồng, gấp 4,5 lần so với cùng kỳ năm 2022. Lũy kế 9 tháng năm 2023, tổng doanh thu của Rồng Việt đạt 603,2 tỷ đồng, tương đương 92,7% cùng kỳ năm 2022 và hoàn thành 68,9% kế hoạch năm. Trong khi đó, chi phí của Công ty giảm đáng kể nhờ hoàn nhập các khoản chi phí đánh giá giảm giá trị danh mục đầu tư đã trích lập, ghi nhận ở mức 283,4 tỷ đồng và chỉ bằng 37,2% cùng kỳ. Nhờ vậy, lợi nhuận trước thuế lũy kế 9 tháng của Rồng Việt đạt 319,8 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 252,8 tỷ đồng, lần lượt hoàn thành 118,4% và 117,1% kế hoạch năm 2023.

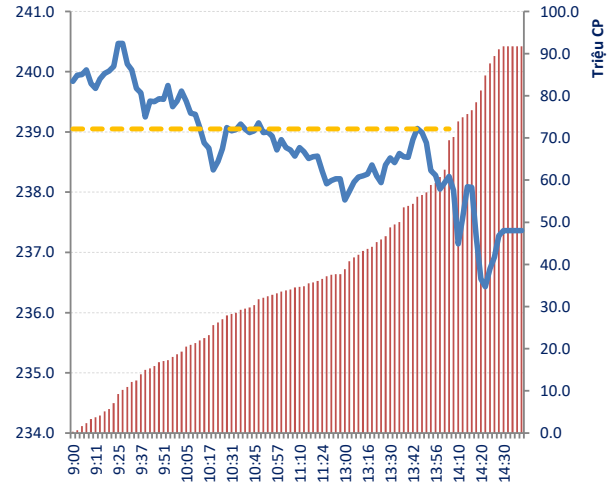


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

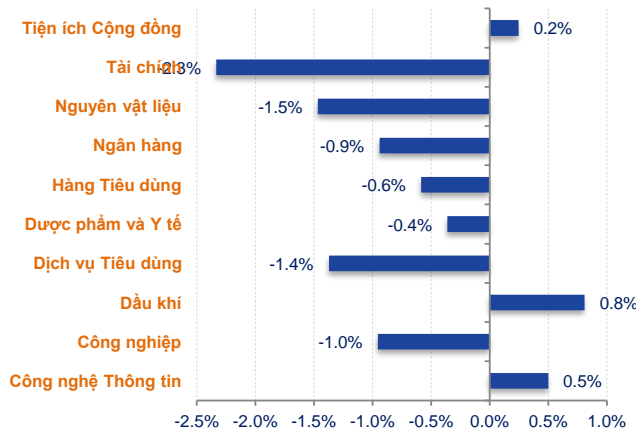
KLGD và VN-Index trong phiên



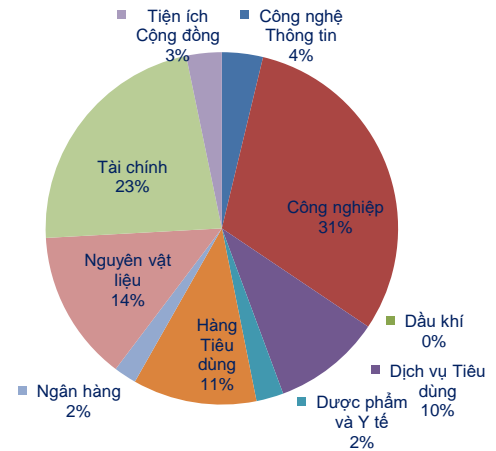
KLGD và HNX-Index trong phiên



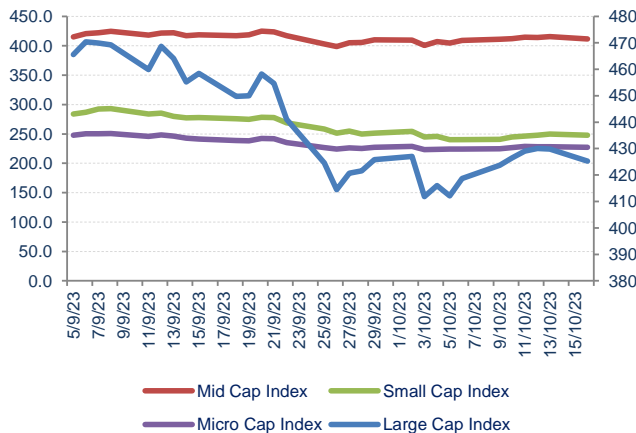
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



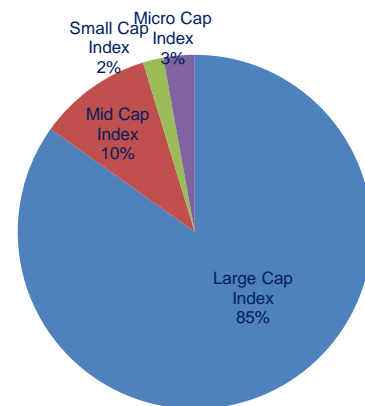
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DGW	237,000	FUEVFVND	3,312,100	1	CEO	200,400	SHS	1,761,700
2	STB	222,477	VPB	3,032,701	2	TIG	48,100	TNG	209,276
3	VNM	197,999	MWG	2,837,980	3	IDC	41,830	PVS	123,100
4	GVR	187,100	SSI	1,879,685	4	PCG	38,900	MBS	121,900
5	HQC	174,700	VND	1,795,140	5	BVS	6,200	DDG	75,400

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	10.80	10.60	↓ -1.85%	30,347,700	SHS	18.20	17.70	↓ -2.75%	26,652,115
SSI	33.55	32.10	↓ -4.32%	28,362,600	PVS	39.90	40.70	↑ 2.01%	9,977,172
VND	22.00	20.95	↓ -4.77%	27,909,300	CEO	20.90	20.50	↓ -1.91%	8,724,225
VPB	21.95	22.50	↑ 2.51%	26,096,800	IDC	52.50	51.10	↓ -2.67%	8,356,252
STB	31.50	30.20	↓ -4.13%	25,870,914	HUT	23.50	23.80	↑ 1.28%	7,855,519

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SSC	31.60	33.80	2.20	↑ 6.96%	THB	9.00	9.90	0.90	↑ 10.00%
L10	20.20	21.60	1.40	↑ 6.93%	DHP	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
MDG	13.90	14.85	0.95	↑ 6.83%	NHC	33.30	36.60	3.30	↑ 9.91%
VIP	11.70	12.50	0.80	↑ 6.84%	LDP	13.50	14.80	1.30	↑ 9.63%
DTT	18.50	19.75	1.25	↑ 6.76%	PCG	6.70	7.30	0.60	↑ 8.96%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TCO	12.15	11.30	-0.85	↓ -7.00%	PTD	10.00	9.00	-1.00	↓ -10.00%
TDW	53.80	50.10	-3.70	↓ -6.88%	KHS	15.00	13.50	-1.50	↓ -10.00%
SMA	8.84	8.26	-0.58	↓ -6.56%	SDG	19.10	17.20	-1.90	↓ -9.95%
EVG	5.42	5.08	-0.34	↓ -6.27%	HJS	42.30	38.10	-4.20	↓ -9.93%
PMG	9.40	8.81	-0.59	↓ -6.28%	BTW	41.80	37.70	-4.10	↓ -9.81%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	30,347,700	17.7%	2,183	4.9	0.7
SSI	28,362,600	7.3%	1,093	30.7	2.3
VND	27,909,300	3.9%	467	47.1	1.8
VPB	26,096,800	11.1%	1,728	12.7	1.4
STB	25,870,914	17.2%	3,601	8.7	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	26,652,115	4.3%	507	35.9	1.5
PVS	9,977,172	7.2%	1,953	20.4	1.5
CEO	8,724,225	7.7%	897	23.3	1.4
IDC	8,356,252	20.7%	3,969	13.2	2.8
HUT	7,855,519	1.3%	122	192.7	2.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SSC	↑ 7.0%	11.4%	3,191	9.9	1.3
L10	↑ 6.9%	6.8%	1,771	11.4	0.8
MDG	↑ 6.8%	10.7%	1,741	8.0	0.9
VIP	↑ 6.8%	28.2%	5,062	2.3	0.6
DTT	↑ 6.8%	5.8%	905	20.4	1.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THB	↑ 10.0%	3.6%	475	18.9	0.7
DHP	↑ 10.0%	7.0%	1,239	8.1	0.6
NHC	↑ 9.9%	-2.0%	(381)	-	1.8
LDP	↑ 9.6%	-26.2%	(2,299)	-	1.7
PCG	↑ 9.0%	1.1%	100	67.0	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DGW	237,000	20.5%	3,036	20.0	3.9
STB	222,477	17.2%	3,601	8.7	1.4
VNM	197,999	23.9%	3,937	19.3	4.3
GVR	187,100	5.3%	714	30.0	1.6
HQC	174,700	0.1%	11	331.5	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CEO	200,400	7.7%	897	23.3	1.4
TIG	48,100	7.6%	1,091	10.2	0.7
IDC	41,830	20.7%	3,969	13.2	2.8
PCG	38,900	1.1%	100	67.0	0.8
BVS	6,200	8.3%	2,576	10.2	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	484,015	23.0%	5,797	14.9	2.7
BID	214,987	19.0%	4,025	10.6	1.9
VHM	204,220	29.1%	10,341	4.5	1.2
GAS	197,060	20.3%	5,567	15.4	2.4
VIC	175,822	3.9%	1,395	33.1	1.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	20,974	1.3%	122	192.7	2.1
PVS	19,071	7.2%	1,953	20.4	1.5
IDC	17,325	20.7%	3,969	13.2	2.8
SHS	14,799	4.3%	507	35.9	1.5
THD	14,206	2.9%	458	80.5	2.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.22	-0.4%	(63)	-	0.7
AGM	3.35	-50.2%	(10,382)	-	0.5
DXS	3.27	-0.4%	(82)	-	0.4
VAF	3.06	8.2%	1,036	14.5	1.2
LDG	2.91	-5.5%	(693)	-	0.3

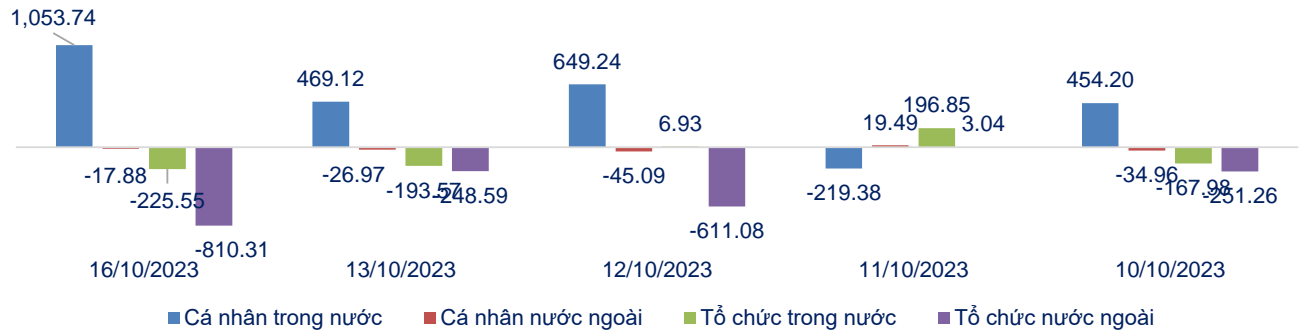
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC2	2.96	3.9%	555	20.0	0.8
AAV	2.67	-1.4%	(169)	-	0.4
VC7	2.61	2.4%	261	88.1	2.1
IDJ	2.54	5.8%	656	9.6	0.5
CEO	2.45	7.7%	897	23.3	1.4



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	148.53	22.1%	4,596	20.9	3.7
MWG	145.15	6.6%	1,069	46.3	3.1
HPG	109.14	-2.0%	(328)	-	1.5
SSI	76.09	7.3%	1,093	30.7	2.3
VHM	55.37	29.1%	10,341	4.5	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-53.13	17.2%	3,601	8.7	1.4
GVR	-19.74	5.3%	714	30.0	1.6
FRT	-15.33	-2.3%	(327)	-	7.5
DGW	-13.15	20.5%	3,036	20.0	3.9
SZC	-11.71	10.9%	1,405	28.4	2.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PC1	0.92	3.7%	944	35.7	1.3
YEG	0.51	2.4%	622	25.2	0.5
PVD	0.50	1.8%	449	63.4	1.1
FPT	0.27	22.1%	4,596	20.9	3.7
POW	0.25	4.2%	602	18.9	0.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BWE	-7.91	16.0%	3,700	12.4	1.9
SSI	-1.88	7.3%	1,093	30.7	2.3
VCG	-1.64	3.6%	672	38.1	1.2
PDR	-1.45	8.2%	1,118	23.3	2.1
DLG	-1.14	-35.6%	(1,666)	-	0.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	82.56	N/A	N/A	N/A	N/A
STB	46.54	17.2%	3,601	8.7	1.4
GVR	15.68	5.3%	714	30.0	1.6
SZC	13.46	10.9%	1,405	28.4	2.5
VPB	13.00	11.1%	1,728	12.7	1.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-64.25	-2.0%	(328)	-	1.5
FPT	-54.54	22.1%	4,596	20.9	3.7
DGC	-24.24	36.6%	10,780	9.2	3.2
TV2	-22.84	5.0%	1,004	40.9	2.1
PNJ	-22.60	20.5%	5,512	14.5	2.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	14.77	23.9%	3,937	19.3	4.3
DGW	14.32	20.5%	3,036	20.0	3.9
VCB	13.85	23.0%	5,797	14.9	2.7
SGN	11.45	21.6%	5,674	12.4	2.6
STB	6.58	17.2%	3,601	8.7	1.4

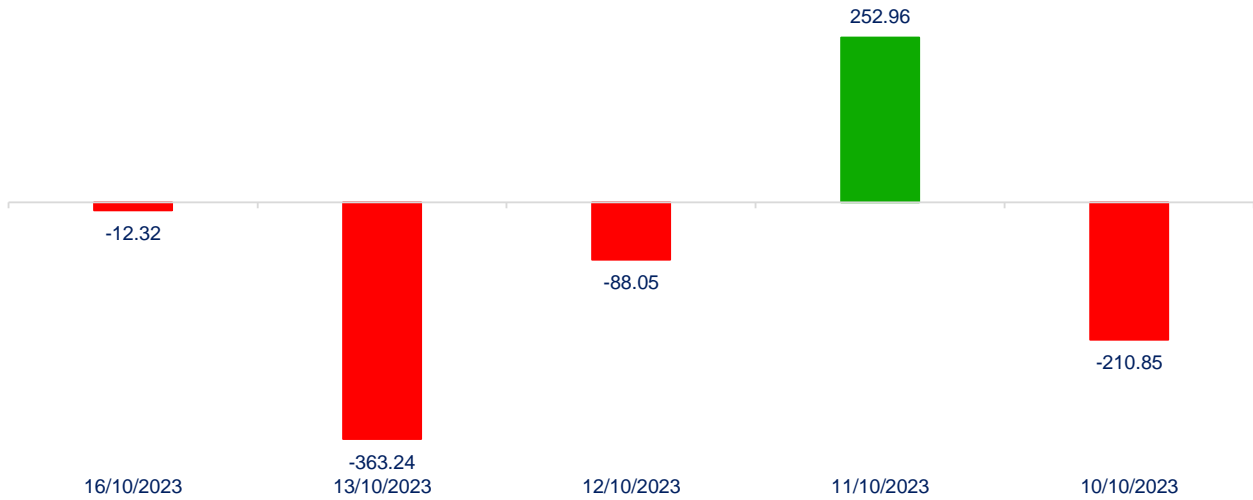
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-140.82	6.6%	1,069	46.3	3.1
FPT	-94.26	22.1%	4,596	20.9	3.7
FUEVFVND	-87.53	N/A	N/A	N/A	N/A
VPB	-66.46	11.1%	1,728	12.7	1.4
SSI	-60.15	7.3%	1,093	30.7	2.3

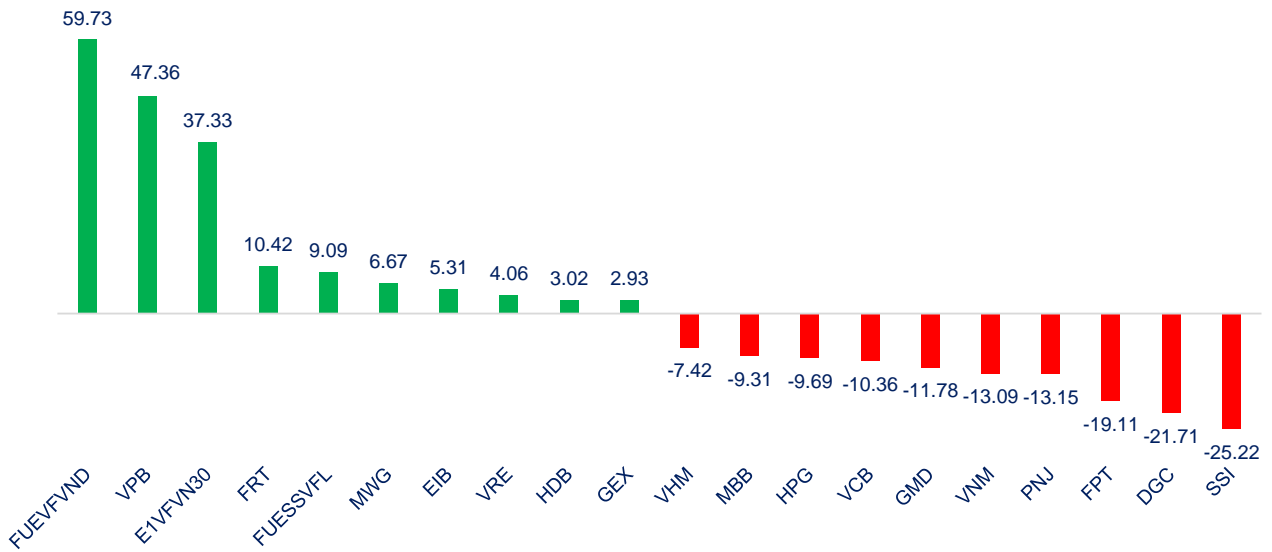


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn